

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-PT  
Ngày 08 – 4 – 2022  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Trung

*Các Thẩm phán:*

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Dương Hùng Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị P, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 7B, xã H, huyện N, tỉnh C ..

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Chi L, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh C.(Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 01 năm 2020) (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1949 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 7B, xã H, huyện N, tỉnh C ..

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Võ Hà T, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Phường L, quận C, thành phố C (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 7 năm 2021) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Võ Thị P và người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông Trần Chi L trình bày:*

Bà Võ Thị P và vợ chồng ông Ngô Văn D có phần đất nuôi trồng thủy sản cặp ranh nhau, đều tọa lạc tại ấp 7B, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; hai phần đất đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất.

Năm 2005, ông Võ Văn Tinh là cha ruột bà P nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hoàng Phẩm và tặng cho bà P. Phần đất bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích  $32.115m^2$ , thửa số 185, tờ bản đồ số 05, số giấy chứng nhận AG 904879 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Năm Căn cấp ngày 26/9/2006. Phần đất ông D cặp ranh có diện tích  $44.650m^2$ , thửa 187, 188 tờ bản đồ số 5A do UBND huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm Căn) cấp giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 03128 QSDĐ ngày 28/10/1993.

Tại đơn khởi kiện, bà P kiện đòi ông D, bà B trả phần đất do lấn ranh ngang 2,5m, dài 600m, diện tích  $1.500m^2$ .

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu ông D, bà B trả diện tích đất lấn chiếm  $901,26m^2$ , cụ thể:

+ Đoạn từ M8 - M7 chiều rộng 2,7m; M9 – M6 chiều rộng 0,6m; M8 - M9 dài 42,8m, tổng diện tích là  $42,8m \times 2,7m \times 0,6m = 69,33m^2$ ;

+ Đoạn M9 – M6 chiều rộng 0,6m; M10 đo qua đất ông D chiều rộng 2,04m; M9 – M10 dài 558,53m, tổng diện tích  $558,53m \times 0,6 \times 2,04m = 683,64m^2$ ;

+ Đoạn M10 đo qua đất ông D 2,04m; M11 – M5 chiều rộng 0,6m; M10 – M11 dài 121,16m; tổng diện tích  $2,04m \times 0,6m \times 121,16m = 146,29m^2$ .

Chi phí tố tụng, nếu yêu cầu được chấp nhận đồng ý chịu 8.000.000 đồng, phần còn lại vợ chồng ông D chịu. Trường hợp yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, chi phí tố tụng do Tòa án quyết định.

Cây trồng trên đất không đặt ra yêu cầu; giấy chứng nhận QSD đất hiện chỉ P vẫn quản lý, không có cầm cố, thế chấp.

*Bị đơn, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Ông, bà có phần đất cặp ranh với bà P, nguồn gốc là tự khai phá vào năm 1980, đến năm 1993 được UBND huyện Ngọc Hiển cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích  $44.650m^2$  thuộc thửa số 187, 188. Nay, ông, bà chưa biết số thửa mới, diện tích thực tế bao nhiêu, nhưng ranh giới phần đất vẫn không thay đổi.

Trước đây, ông, bà có cắm ranh bằng cây gỗ với ông Phẩm. Nay cây ranh đã mục không còn dấu tích. Ông, bà thống nhất ranh mỗi bên là  $\frac{1}{2}$  bờ. Ông, bà không đồng ý yêu cầu đòi đất của bà P.

Cây trồng trên đất không đặt ra yêu cầu; giấy chứng nhận QSD đất hiện đang quản lý không có cầm cố, thế chấp.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:19/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P, về việc yêu cầu đòi lại phần đất cặp ranh đối với vợ chồng ông Ngô Văn D và bà Nguyễn Thị B.

Buộc vợ chồng ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B giao trả cho bà Võ Thị P phần ranh đất có diện tích 901,26m<sup>2</sup>; cụ thể:

+ Đoạn từ M8 đo qua M7 chiều rộng 2,7m; M9 đo qua M6 chiều rộng 0,6m; M8 đến M9 dài 42,8m, tổng diện tích là  $42,8\text{m} \times 2,7\text{m} \times 0,6\text{m} = 69,33\text{m}^2$ ;

+ Đoạn M9 đo qua M6 chiều rộng 0,6m; M10 đo qua đất ông D chiều rộng 2,04m; M9 đến M10 dài 558,53m, tổng diện tích  $558,53\text{m} \times 0,6 \times 2,04\text{m} = 683,64\text{m}^2$ ;

+ Đoạn M10 đo qua đất ông D 2,04m; M11 đo qua M5 chiều rộng 0,6m; M10 đến M11 dài 121,16m; tổng diện tích  $2,04\text{m} \times 0,6\text{m} \times 121,16\text{m} = 146,29\text{m}^2$ .

Phần đất tọa lạc tại ấp 7B, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; theo trích đo hiện trạng ngày 17/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật – công nghệ - quan trắc Tài nguyên và Môi trường (kèm theo bản trích đo).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/4/2021, ông D, bà B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D, bà B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

*Ông Võ Hà T tranh luận:*

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn không có đo vẽ thực tế nhưng cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định nguyên đơn sử dụng đất thiếu là không chính xác.

Bị đơn mặc dù được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 44.650m<sup>2</sup> nhưng kê khai thuế và nộp thuế diện tích 56.039 m<sup>2</sup>.

Việc chuyển quyền sử dụng đất giữa ông Phẩm với ông Tỉnh không căn cứ vào diện tích giấy chứng nhận ông Phẩm được cấp vì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Phẩm chỉ được cấp diện tích 30.220 m<sup>2</sup>.

Nguyên đơn không biết ranh đất của mình đến đâu nên tại Đơn khởi kiện yêu cầu trả 1.500 m<sup>2</sup>, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm thì lại yêu cầu trả 901,26 m<sup>2</sup>.

Phần đất của ông D và bà P đều bị thu hồi một phần làm lộ và một phần nằm phía ngoài lộ giáp sông.

Từ cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

*Ông Trần Chi L tranh luận:*

Việc điều chỉnh diện tích đất của ông Phạm có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tùng và bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 32.115 m<sup>2</sup>. Bà P sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 2006 đến năm 2019 bằng cách sên vét đắp lên bờ tranh chấp.

Mặc dù diện tích đất thực tế của ông D lớn hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cơ sở pháp lý nên diện tích của ông D được công nhận là 44.650 m<sup>2</sup>.

Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B. Sửa một phần bản án sơ thẩm số:19/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện đòi bị đơn phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.500 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 7B, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau là phần bờ và một phần mặt nước vuông nuôi tôm của cả nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả phần đất có diện tích 901,26 m<sup>2</sup>, cụ thể:

+ Đoạn từ M8 đo qua M7 chiều rộng 2,7m; M9 đo qua M6 chiều rộng 0,6m; M8 đến M9 dài 42,8m, tổng diện tích là  $42,8m \times 2,7m \times 0,6m = 69,33m^2$ ;

+ Đoạn M9 đo qua M6 chiều rộng 0,6m; M10 đo qua đất ông D chiều rộng 2,04m; M9 đến M10 dài 558,53m, tổng diện tích  $558,53m \times 0,6m \times 2,04m = 683,64m^2$ ;

+ Đoạn M10 đo qua đất ông D 2,04m; M11 đo qua M5 chiều rộng 0,6m; M10 đến M11 dài 121,16m; tổng diện tích  $2,04m \times 0,6m \times 121,16m = 146,29m^2$ .

Theo trích đo hiện trạng ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau: Phần đất bà Võ Thị P yêu cầu ông D, bà B trả tại phiên tòa sơ thẩm và được Tòa án nhân dân huyện Năm Căn chấp nhận toàn bộ có diện tích chính xác là 965m<sup>2</sup>. Như vậy, các đương sự tranh chấp phần đất có diện tích 965m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 7B, Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau chứ không phải tranh chấp phần đất diện tích 901,26 m<sup>2</sup> như nguyên đơn và Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xác định.

[2] Xét nguồn gốc phần đất của bà P là của ông Nguyễn Hoàng Phẩm chuyển nhượng cho ông Võ Văn Tỉnh và ông Tỉnh cho lại bà P vào năm 2005. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Phẩm được cấp vào năm 1993 có diện tích 30.220 m<sup>2</sup>. Phần đất của ông D, bà B có được là do khai phá và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 với diện tích 44.650 m<sup>2</sup>. Tại Công văn số 923/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Năm Căn xác định: Khi phần đất chuyển tên từ ông Phẩm sang cho bà P thì không có đo đạc lại mà căn cứ bản đồ tọa độ (chỉnh lý năm 2003) để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P diện tích 32.115 m<sup>2</sup>. Còn phần đất của ông D, bà B năm 1993 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 44.650 m<sup>2</sup> nhưng theo bản đồ tọa độ (chỉnh lý năm 2003) diện tích đất của ông D, bà B là 56.039 m<sup>2</sup>. Cũng tại Công văn trên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Năm Căn xác định: Khi ông D có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất thực tế để cấp đổi giấy chứng nhận cho ông D (BL 234). Như vậy, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P, ông D, bà B chưa phù hợp diện tích thực tế sử dụng nên không thể căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, bị đơn để xác định diện tích đất bên nào thiếu, bên nào thừa mà phải căn cứ vào thực tế sử dụng đất của các đương sự đối với phần đất tranh chấp.

[3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà P cho rằng, bờ tranh chấp là bờ chung của bà P với ông D, bà B. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, phần bờ tranh chấp toàn bộ là của ông D, bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản đối chất của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn (BL 226), ông Võ Văn Tỉnh (Cha bà P) trình bày: Ông D, bà P mỗi người ½ bờ. Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn (BL 120), ông Võ Văn Phong trình bày: Ông là người công tác tại địa phương từ năm 2007, nếu bờ ranh chia đôi thì ông D bị thiệt. Tại Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn (BL 119), ông Lê Thanh Liên (là người chuyển nhượng đất cho ông Phẩm) xác nhận: Phần đất khoảng 05 công đầu bên bà P không có bờ. Còn phần còn lại đến hậu thì bên ông D có 06 phần, bà P 04 phần. Như vậy, các xác nhận trên đều xác định bờ ranh là ranh giới chung giữa hai bên đương sự. Tuy, những người làm chứng trên cho rằng phần bờ của ông D, bà B nhiều hơn phần bờ của bà P nhưng trình bày trên chỉ mang tính phỏng đoán, không chính xác. Hơn nữa, trong quá trình sử dụng, phần đất của ông D, bà P giáp kênh 5 có con lộ xi mang đi qua nên hiện trạng không còn nguyên hiện trạng như khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét quá trình sử dụng bờ tranh chấp, hai bên đương sự đều thừa nhận phần bờ này nguyên đơn, bị đơn dùng để chứa đất bùn khi sên vuông. Bị đơn có trồng chuối và một ít cây nhưng trồng từ giữa bờ trở về phần bờ bên bị đơn. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải của ấp 7B, bà P đồng ý mỗi người ½ bờ (BL 8); Còn tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tùng, ông D đồng ý mỗi người ½ bờ (BL 6). Như vậy, chấp nhận cho nguyên đơn, bị đơn mỗi bên có quyền sử dụng ½ bờ là có căn cứ. Án sơ thẩm quyết định phần bờ của bà P nhiều hơn của ông D, bà B là không phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, bà B. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số:19/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận diện tích 430,6m<sup>2</sup>. Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận diện tích 534,4m<sup>2</sup>.

[7] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá số tiền 22.287.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn, mỗi bên chịu ½ số tiền là 11.143.500 đồng. Ông D, bà B có nộp tạm ứng 500.000 đồng, bà P có nộp tạm ứng 21.787.000 đồng, được đối trừ; Ông D, bà B phải trả cho bà P số tiền 10.643.500 đồng.

[8] Do sửa án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm như sau: Bà P phải chịu án phí trên giá trị quyền sử dụng phần đất bà P không được chấp nhận (diện tích 534,4 m<sup>2</sup>) với số tiền 1.736.000 đồng. Ông D, bà B được miễn do trên 60 tuổi.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông D, bà B không phải chịu.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị P kiện đòi ông Ngô Văn D và bà Nguyễn Thị B quyền sử dụng phần đất diện tích 430,6 m<sup>2</sup>.

Buộc ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B giao trả cho bà Võ Thị P phần đất (N1,N2,N3,N6,N7,M11,N4,M10,M9,M8) có diện tích 430,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 7B, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, có vị trí tứ cận:

Hướng Đông cạnh M11N4M10M9M8 giáp đất bà Võ Thị P;

Hướng Tây cạnh N7N6N3N2N1 giáp đất ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B;

Hướng Nam cạnh N1M8 giáp Lộ xi măng;

Hướng Bắc cạnh N7M11 giáp đất ông Phạm Sơn Hùng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị P kiện đòi ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B quyền sử dụng phần đất diện tích 534,4 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 7B, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, có vị trí tứ cận:

Hướng Đông cạnh N7N6N3N2N1 giáp đất bà Võ Thị P;  
Hướng Tây cạnh N7N6N3'N2N1 giáp đất ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B;

Hướng Nam điểm N1 giáp lộ xi măng;

Hướng Bắc điểm N7 giáp đất ông Phạm Sơn Hùng.

3. Chi phí tố tụng: Ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Võ Thị P số tiền 10.643.500 đồng.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, ông D, bà B chậm thi hành án số tiền trên, thì ông D, bà B phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, bà B được miễn nộp toàn bộ án phí. Bà Võ Thị P phải chịu án phí số tiền 1.736.000 đồng, có nộp tạm ứng án phí 1.125.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006886 ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ; bà P còn phải nộp tiếp số tiền 611.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị B không phải chịu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Trung**